

Bản án số: 351/2020/HS-ST

Ngày: 31-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Thẩm phán: Ông Phan Thanh Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hoài Nam.
2. Ông Huỳnh Trường Sơn.
3. Ông Nguyễn Thái Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân – Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Lệ Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 372/2020/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3841/2020/QĐXXST-HS ngày 31/7/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Anh A; sinh ngày 22/01/1971 tại tỉnh Bến Tre; Hộ khẩu thường trú tại 44/10/1, đường số 2, Phường 16, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú tại B116 Chung cư Ehome 5, số 197 TTC, phường TTĐ, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị F; Có 3 vợ đều đã ly hôn và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam từ ngày 14/10/2019 đến nay, có mặt.

Người bào chữa: Ông Nguyễn Văn Tài, Luật sư của Văn phòng Luật sư Mai Trung Tín, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh A theo chỉ định, có mặt.

Bị hại: Bà Đặng Thị Kim B, sinh năm 1961, có mặt.

Thường trú: 49D1/11 Hoài Thanh, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2017, Nguyễn Anh A đăng ký thành lập Công ty TNHH Thiên Ý Ngọc, có trụ sở tại số 71, đường 49, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, ngành nghề hoạt động là lắp đặt camera, nhưng thực tế công ty không hoạt động. Khoảng tháng 5/2017, trong một chuyến đi du lịch Huế - Đà Nẵng thì Nguyễn Anh A quen biết với bà Đặng Thị Kim B và cháu của bà B là chị Châu Wa Hi G. Sau chuyến du lịch, A thường xuyên thuê xe ô tô tự lái đến nhà bà B chơi, giới thiệu với bà B và gia đình là A làm Giám đốc Công ty Thiên Ý Ngọc. A thuê xe ô tô đưa gia đình bà B đi du lịch tại khu nghỉ dưỡng Sealink, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận và nói Công ty Thiên Ý Ngọc đang nhận thầu lắp đặt camera, Internet của công trình này. Sau đó, A thuê người đóng giả mẹ, cậu và dì ruột của A để tổ chức lễ hỏi, lễ cưới với chị Châu Wa Hi G. A và chị Châu Wa Hi G đăng ký kết hôn ngày 12/7/2017 và tổ chức lễ cưới ngày 11/3/2018.

Khoảng tháng 6/2017, A lên mạng Internet tìm được một người tên Minh (không rõ lai lịch) đặt làm giả 02 giấy tờ gồm: Hợp đồng kinh tế số 115/HĐGNT/2017 về việc Công ty Thiên Ý Ngọc nhận thầu xây dựng với Công ty Vinaconex 6, với tổng dự toán giá trị công trình là 2.477.000.000 đồng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 797642688101814, đối với lô đất tại số 44/10/1 đường Thống Nhất, Phường 16, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. A đưa cho chị Châu Wa Hi G giữ Hợp đồng kinh tế số 115/HĐGNT/2017 giả và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Thiên Ý Ngọc, mục đích là để cho chị Châu Wa Hi G đưa cho bà B xem, để bà B tin tưởng A đang có công trình thi công, để A dễ dàng chiếm đoạt tài sản của bà B thông qua hình thức vay tiền. Do tin vào những thông tin, giấy tờ giả trên và tin tưởng A là cháu rể, nên bà B đã cho A vay tiền, các lần vay và số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 23/8/2017, A hỏi vay bà B 200.000.000 đồng và bà B đến ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Quận 8, chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản số 102005173131 của A mở tại ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Quận 5.

- Ngày 22/9/2017, A đến nhà bà B xin vay 500.000.000 đồng, bà B đưa tiền mặt cho A, lần này A viết giấy vay với số tiền là 700.000.000 đồng (do cộng gộp 200.000.000 đồng đã vay vào ngày 23/8/2017), với lãi suất 2%/tháng.

- Ngày 28/12/2017, A nhắn tin hỏi mượn tiền bà B, nội dung tin nhắn: “Dì 7, con cần khoảng 500.000.000 đồng nữa mới đủ tiền để đặt cọc mua vật tư cho năm 2018. Dì 7 cầm cho con sổ đỏ nhà ở Gò Vấp (mẹ con mới sang tên cho con làm ăn)” và nói là đang ở Phan Thiết nên sẽ đưa Giấy tờ căn nhà trên

cho bà B sau. Do tin tưởng A có giấy tờ nhà để thế chấp nên bà B đồng ý cho A mượn 300.000.000 đồng và bà chuyển số tiền trên vào tài khoản số 102005173131 của A vào ngày 04/01/2018, tại ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Quận 8. Ngày 05/01/2018 A mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 797642688101814, do A đặt làm giả đến nhà đưa cho bà B giữ.

Đến hạn, bà B yêu cầu A trả nợ thì vào ngày 21/5/2018, A chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản số 103004144773 của bà B, mở tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Quận 8. Ngày 28/5/2018, A đến nhà của bà B viết lại giấy vay tiền của số tiền còn lại là 950.000.000 đồng và cam kết sẽ trả sau 03 tháng. Vào tháng 7/2018, A đưa cho chị Châu Wa Hi G 50.000.000 đồng đến trả cho bà B và ngày 20/8/2018 A đến nhà bà B viết lại giấy vay của số tiền còn lại là 900.000.000 đồng và cam kết đến tháng 10/2018 sẽ trả, nhưng sau đó A không trả, A đổi số điện thoại và né tránh gặp bà B. Bà B tìm hiểu và biết được Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất mà A thế chấp cho bà là giả, nên làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản Kết luận giám định số 1301/KLGD-TT, ngày 30/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Hình dấu tròn có nội dung “UB.ND QUẬN C- TP HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN C- T.P HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Theo công văn số 3244/UBND ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân quận C thì Ủy ban nhân dân quận C không có Phó Chủ tịch tên Trần Thị Thu Hà.

Kết quả xác minh căn nhà số 44/10/1 Thống Nhất, nay là đường số 2, Phường 16, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Hoàng là mẹ của A mua vào năm 2016 và bà đã làm giấy tờ sang tên cho vợ chồng anh Nguyễn Anh Tuấn là anh trai của A sở hữu. Ngày 01/7/2004, Ủy ban nhân dân quận C đã cấp Giấy Chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở căn nhà trên cho anh Nguyễn Anh Tuấn và vợ là chị Lê Thị Ngọc Giàu.

Bản Cáo trạng số 328/CT-VKS-P2, ngày 16/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh A về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã có hành vi thuê người làm giả Hợp đồng kinh tế về việc Công ty Thiên Ý Ngọc nhận thầu xây dựng với Công ty Vinaconex 6, giá trị hợp đồng là 2.477.000.000 đồng và Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, đối với lô đất tại số 44/10/1 Thống Nhất, Phường 16, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo đưa Hợp đồng kinh tế làm giả này cho chị Châu Wah Hi Hi G để chị Hi G đưa cho bà B xem, sau đó bị cáo nói dối với bà B là cần tiền mua vật tư xây dựng công trình, bà B tưởng thật đã cho bị cáo vay hai lần tiền, tổng cộng là 700.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Bị cáo sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất tại số 44/10/1 Thống Nhất, Phường 16, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh làm giả để làm tài sản thế chấp vay thêm 300.000.000 đồng. Khi bà B đòi, bị cáo chỉ trả 100.000.000 đồng, còn 900.000.000 đồng thì bị cáo chiếm đoạt. Sau khi khởi tố vụ án thì bị cáo đã trả cho bà B 465.000.000 đồng, hiện còn 435.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Anh A khai nhận đã thực hiện những hành vi như Viện kiểm sát đã hệ thống tại bản Cáo trạng. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi khởi tố bị cáo đã trả cho bị hại 465.000.000 đồng và bị hại có làm đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Anh A từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 3 năm đến 4 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về vật chứng của vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho bà Đặng Thị Kim B 465.000.000 đồng, nên buộc bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 435.000.000 đồng cho bà B.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh A thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, tuy nhiên Luật sư cho rằng mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có phần quá nghiêm khắc vì tại cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường 465.000.000 đồng cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo đã phạm.

Bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát và trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại bà Đặng Thị Kim B là vào ngày 23/8/2017 bị cáo vay của bà 200.000.000 đồng, vào ngày 22/9/2017 bị cáo vay thêm 500.000.000 đồng nói là mua vật tư xây dựng công trình. Vì bà thấy bị cáo có giấy phép đăng ký kinh doanh và Hợp đồng kinh tế nên bà tin tưởng cho bị cáo vay. Đến ngày 28/12/2017, bị cáo nhắn tin đến bà hỏi mượn 500.000.000 đồng để đặt cọc mua vật tư cho năm 2018, lần này bà thấy số tiền cho bị cáo vay đã nhiều nên hỏi có tài sản gì thế chấp không thì bị cáo nói là có đất mẹ cho tại số 44/10/1 Thống Nhất, Phường 16, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện bị cáo đang ở Phan Thiết, khi về sẽ mang sổ đỏ đến giao, bà tưởng thật nên đã cho bị cáo vay 300.000.000 đồng, khoảng 3 ngày sau thì bị cáo mang sổ đỏ nhà đất tại địa chỉ trên giao cho bà giữ. Đến hạn bà đòi thì bị cáo chuyển khoản trả 50.000.000 đồng và nhờ Châu Wa Hi G trả 50.000.000 đồng bằng tiền mặt, sau đó thì bị cáo không trả nữa và cắt liên lạc; phù hợp với lời khai của người làm chứng chị Châu Wa Hi G là bị cáo có đưa cho chị giữ Hợp đồng kinh tế số 115/HĐGNT/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Thiên Ý Ngọc để chị đưa cho bà B xem và sau khi nợ đến hạn thì bị cáo có nhờ chị mang trả cho bà B 50.000.000 đồng; phù hợp với những chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Giấy chuyển tiền ngày 23/8/2017 và ngày 04/01/2018; Hợp đồng kinh tế số 115/HĐGNT/2017 giữa Công ty Thiên Ý Ngọc với Công ty Vinaconex 6; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 797642688101814, nên có căn cứ kết luận: Bị cáo có hành vi thuê người làm giả Hợp đồng kinh tế về việc Công ty Thiên Ý Ngọc nhận thầu xây dựng với Công ty Vinaconex 6 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 797642688101814, đối với lô đất tại số 44/10/1 Thống Nhất, Phường 16, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo sử dụng Hợp đồng kinh tế làm giả để đánh lừa bà B là bị cáo đang xây dựng công trình, thiếu vốn tạm thời để bà B cho bị cáo vay 700.000.000 đồng; bị cáo sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm giả để thế chấp vay của bà B 300.000.000 đồng. Sau khi vay bị cáo trả 100.000.000 đồng, còn lại

900.000.000 đồng thì bị cáo chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Trong số tiền 900.000.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của bà B thì có 300.000.000 đồng bị cáo đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại số 44/10/1 Thống Nhất, Phường 16, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh làm giả, để thế chấp cho bà B. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét tính chất của vụ án mà bị cáo gây ra là đặt biệt nghiêm trọng, nó đồng thời xâm phạm vào hai khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ là trật tự quản lý hành chính Nhà nước và xâm phạm quyền sở hữu tài sản. Với tính chất của vụ án như vậy đáng lẽ phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Song xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường hơn $\frac{1}{2}$ số tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại; bị cáo mới phạm tội lần đầu, người bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đang bị bệnh tiểu đường có giấy chứng nhận của bệnh viện; là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó xử phạt bị cáo ở mức án khởi điểm khung hình phạt của 2 tội cũng đủ tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa những trường hợp tương tự.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Bị cáo mở Công ty TNHH Thiên Ý Ngọc không phải để hoạt động mà để đánh lừa bị hại và dùng con dấu của công ty này để đóng vào Hợp đồng kinh tế số 115/HĐGNT/2017 về việc Công ty Thiên Ý Ngọc nhận thầu xây dựng với Công ty Vinaconex 6 làm giả. Do đó căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy con dấu này.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị hại Đặng Thị Kim B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 435.000.000 đồng. Yêu cầu của bà B phù hợp với pháp luật và được bị cáo đồng ý nên Tòa chấp nhận.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: **Nguyễn Anh A** 12 (Mười hai) năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 3 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành một hình phạt chung cả 2 tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/10/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Anh A phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đặng Thị Kim B với số tiền là 435.000.000 (Bốn trăm ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc không thi hành đầy đủ các khoản đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chậm thi hành.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) con dấu của Công ty TNHH Thiên Ý Ngọc.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2020/322 ngày 23/6/2020 Của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Về án phí:

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo phải chịu 21.750.000 (Hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 31/8/2020).

Nơi nhận:

- TAND TC (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKS ND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Luật sư; (1)
- THA HS; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Phòng PC 45 – CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (20) (4).

Nguyễn Văn Hậu